TÒA ÁN NH DÂN **KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2025
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hải

Các Hội thẩm nH dân:

1. Bà Nguyễn Thị Uyên
2. Ông Lê D Toản

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nH dân khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nH dân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nH dân khu vực 11 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nH và gia đình thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1983. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 5A, xã L, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1983. Có đơn xin xét xử vắng mặt
Địa chỉ: Thôn 5A, xã L, tỉnh Đồng Nai

Bà P hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 22 - PH trại 1, Trại giam An Phước – Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn ông Lê Văn D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nH: Ông và Nguyễn Thị Hồng P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng đến ngày 16/8/2016 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nH dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai).

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau, có xảy ra xô xát với nhau. Bà P chơi bài bạc nhiều, gây ra nợ nần cho gia đình, ông đã nhiều lần khuyên răn nhưng bà P không thay đổi. Năm 2022, bà P có hành vi làm giấy tờ giả nên bị Toà án nH dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (cũ) xử phạt 10 năm tù năm 2023, hiện đang chấp hành án tại Trại giam An Phước. Vợ chồng ông đã sống ly tH nhau từ năm 2022, trước thời điểm bà P bị công an bắt. Ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nH không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

- *Về con chung:* Ông và bà P có 02 con chung là Lê Văn Q – sinh ngày 19/11/2005 và Lê Nguyễn Ngọc H – sinh ngày 15/4/2016.

Ông đề nghị được nuôi dưỡng cháu H sau ly hôn, còn cháu Q đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không đề nghị Toà án giải quyết. Ông không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông và bà P không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nH:* Bà và ông D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng đến ngày 16/8/2016 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nH dân xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai).

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nH do vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau và có xô xát với nhau. Bà chơi bởi cờ bạc nhiều, ông D khuyên răn nhưng bà không thay đổi được. Năm 2022, bà có hành vi làm giả giấy tờ nên bị công an bắt và năm 2023, bị Toà án nH dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (cũ) xử phạt 10 năm tù. Hiện bà đang chấp hành án tại Trại giam An Phước. Bà xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nH không đạt được nên bà đồng ý ly hôn với ông D.

- *Về con chung:* Bà và ông D có 02 con chung là Lê Văn Q – sinh ngày 19/11/2005 và Lê Nguyễn Ngọc H – sinh ngày 15/4/2016. Hiện nay, do bà đang phải chấp hành án phạt tù nên đồng ý để ông D nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Ngọc H cho đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Còn cháu Q đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên bà không đề nghị Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nH và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nH: Xử cho ông Lê Văn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng P.

Về con chung: Giao cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Ngọc H – sinh ngày 15/4/2016. Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và đề nghị của vị Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn ông Lê Văn D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P. Bị đơn bà P có nơi cư trú tại xã L, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nH dân khu vực 11 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về vắng mặt của các đương sự: Ông D và bà P đều có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án theo thủ tục chung.

II. Nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nH:

Ông D và bà P tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) số 65 ngày 16/8/2016. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Hai bên đều trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016. Nguyên nH do vợ chồng không hợp nhau, bà P hay chơi cờ bạc mặc dù ông D đã khuyên can nhiều lần nhưng bà P không thay đổi; Bà P đang chấp hành hình phạt 10 năm tù tại Trại giam An Phước từ năm 2023; tình cảm vợ chồng giành cho nhau không còn nữa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà P đã trầm trọng, mục đích hôn nH không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nH và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của ông D đối với bà P là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông D và bà P có 02 con chung là cháu Lê Văn Q – sinh ngày 19/11/2005 và cháu Lê Nguyễn Ngọc H – sinh ngày 15/4/2016

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà P hiện đang chấp hành hình phạt 10 năm tù tại Trại giam An Phước nên không thể nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần thiết giao con chung là cháu Lê Nguyễn Ngọc H cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, cháu Lê Văn Q đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Án phí hôn nH gia đình sơ thẩm: Ông D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn D.

Về quan hệ hôn nH: Xử cho ông Lê Văn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng P. Quan hệ hôn nH của ông D và bà P chấm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo H – sinh ngày 15/4/2016 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, các bên có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai

bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2/ Án phí hôn nH gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028518 ngày 14/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông D đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hải

Nơi nhận:
- *VKSND KV 11 – ĐN;*
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *THA dân sự tỉnh ĐN;*
- *UBND xã L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án. (10)*